

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 116/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 11 - 2021

“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng

Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về trchi chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Diệu H**, sinh năm 1994.

Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.(xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* anh **Nguyễn Nhân H1**, sinh năm 1982.

Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị H trình bày, chị và anh H1 tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, anh H1 không lo làm ăn, tham gia tệ nạn xã hội, nghiện ma túy phải đi cai nghiện, hiện cả hai đã ly thân mỗi người ở một nơi và chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị H xác định có 01 con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11/01/2015, hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục giao cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H xác định không có.

Về nợ chung: Chị H xác định không có.

Đối với anh Nguyễn Nhân H1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H1 từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh H1 đã nhận

trực tiếp, nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Phan Thị Diệu H về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Nhân H1 thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh H1 là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp 11, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự, chị H xin vắng mặt, còn anh H1 vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị H trình bày, chị và anh H1 tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, anh H1 không lo làm ăn, tham gia tệ nạn xã hội, nghiện ma túy phải đi cai nghiện, hiện cả hai đã ly thân mỗi người ở một nơi và chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H1 từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, mặc dù anh H1 đã nhận trực tiếp, nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án, cho thấy anh H1 chưa quyết tâm để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên, Hội đồng xét xử tiến hành xem xét theo đơn yêu cầu của chị H, về nội dung yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn với anh H1.

[4] Về con chung: Chị H xác định có 01 con chung theo giấy khai sinh do chị H cung cấp thể hiện tên Nguyễn Hồng Ngọc, sinh ngày 11/01/2015, hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị H phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị H nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Diệu H về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Nhân H1.

Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng Ngọc, sinh ngày 11/01/2015 (hiện đang sống với chị H).

Anh H1 không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình chị H nộp 300.000đ. Vào ngày 07 tháng 5 năm 2021, chị H đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0011634 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị H và anh H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h. Thới Bình;
- **UBND xã T;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

Diệp Chí Nguyễn